TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 14/2022/HNGĐ-ST
Ngày 27/5/2022
"Về việc ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Huê;
2. Bà Trần Thị Kia.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hồng Huy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chung – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 235/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2021 về việc *"Ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/3/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phùng Thị H, sinh năm 1971; địa chỉ: Tổ 1, phường AT, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Trịnh Văn A, sinh năm 1971 địa chỉ: Tổ 1, phường AT, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phùng Thị H trình bày: Chị và anh Trịnh Văn A tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993, đến ngày 21/3/2002 chị và anh A mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Song An, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng từ năm 2012 đến nay anh A thường xuyên uống rượu, chửi bới và đánh đập chị. Hiện nay chị và anh A đã không còn tình cảm gì với nhau, do vậy chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Xin được ly hôn với anh Trịnh Văn A.

Về con chung: Chị và anh A có 03 con chung là Trịnh Văn S, sinh năm 1994, Trịnh Văn P, sinh năm 1998 và Trịnh Thị Như Q, sinh năm 2002. Các cháu S, P, Q đều đã trên 18 tuổi và tự lập được nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Trịnh Văn A mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, nhiều lần Tòa án triệu tập đến hòa giải, triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên đã không trình bày được quan điểm của mình về nội dung của vụ án.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định. Bị đơn không thực hiện nghĩa vụ có mặt tại Tòa theo các triệu tập, thông báo của Tòa án.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chấp nhận cho chị Phùng Thị H ly hôn với anh Trịnh Văn A. Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Phùng Thị H yêu cầu ly hôn với anh Trịnh Văn A; trú tại: Tổ 1, phường AT, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án về "Ly hôn", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

[2] Bị đơn anh Trịnh Văn A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Trịnh Văn A.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phùng Thị H và anh Trịnh Văn A chung sống với nhau như vợ chồng không có đăng ký kết hôn từ năm 1993, đến ngày 21/3/2002 mới đăng ký kết hôn, nên theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh A xác lập hợp pháp từ ngày 21/3/2002. Trong quá trình chung sống chị H và anh A có phát sinh mâu thuẫn nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh A. Theo kết quả xác minh thì vợ chồng chị H và anh A trong quá trình chung sống thường xuyên cãi nhau. Đối với anh A, nhiều lần Tòa án thông báo hòa giải nhưng anh A không đến, thể hiện thái độ bỏ mặc không quan tâm đến việc tiếp tục duy trì cuộc sống vợ chồng với chị H. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh A là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phùng Thị H với anh Trịnh Văn A.

[4] Về việc nuôi con: Chị H và anh A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị H và anh A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nguyên đơn chị Phùng Thị H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, bị đơn anh Trịnh Văn A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phùng Thị H cụ thể như sau:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận chị Phùng Thị H ly hôn với anh Trịnh Văn A.

2. Về án phí: Chị Phùng Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011623 ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Trịnh Văn A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 27/5/2022. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15*(mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX A;
- UBND Xã Song An, Tx. A (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Bích Thảo